

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH - TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Là Tổng Bí thư đầu tiên của thời kỳ đổi mới, ở thời điểm quyết định vận mệnh sống còn của đất nước lúc ấy, Nguyễn Văn Linh hiện lên như một kiến trúc sư đầy năng lực, tâm huyết và bản lĩnh tìm đường, mở lối đi lên cho đất nước vừa ra khỏi chiến tranh với bộn bề khó khăn bên trong và bên ngoài.

Kiên định trong chiến đấu, nghiêm túc trong công việc, sáng tạo trong đổi mới - đó là những gì đã được thể hiện trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc diễn văn bế mạc Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, ngày 18.12.1986.(Nguồn: Internet)

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tên thật là Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc), sinh ngày 1/7/1915 trong một gia đình công chức tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ (Hưng Yên). Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, ông đã giữ các trọng trách: Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn; Ủy viên Thường vụ xứ ủy Nam Bộ trong kháng chiến; Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh sau ngày thống nhất đất nước rồi được giao trọng trách làm Tổng bí thư Đảng năm 1986, năm Việt Nam bắt đầu công cuộc đổi mới.

Trở thành Tổng Bí thư Đảng trong bối cảnh đất nước Việt Nam khó khăn, khủng hoảng. Xuất nhập khẩu thu hẹp, đình đốn, lạm phát tăng cao, lương thực thiếu trầm trọng, viện trợ của các nước trong khối xã hội chủ nghĩa cắt giảm, đất nước bị cấm vận. Yêu cầu đặt ra cho đất nước là "đổi mới thì sống, không đổi mới thì chết".

Vừa đôi mới, ông vừa quan tâm đến những việc cần làm ngay, đề ra phương châm nói và làm. Trên cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng, ông đã khởi xướng công cuộc đấu tranh chống tiêu cực trên mặt trận báo chí với phương châm: Báo chí không được uốn cong ngòi bút và ông đã đi tiên phong trong trận chiến này.

Ngày 25/5/1987, trang nhất báo *Nhân Dân* đăng bài *Những việc cần làm ngay*. Bài viết đi thẳng vào vấn đề khi đó là giá cả tăng vọt của tác giả ký tên N.V.L khiến nhiều người quan tâm. Theo lời kể của nhà báo Hữu Thọ, tối 24/5 là phiên ông trực ban biên tập báo *Nhân Dân*. Khoảng 17h30, khi mọi người đã về, tòa soạn chỉ còn ông và ban thư ký trực thì thường trực ở cổng đưa vào một phong thư, nói là của một người đứng tuổi đi ô tô Lada màu sữa gửi ban biên tập. Trong phong bì có thư và một bài báo viết tay. Bức thư ký tên Nguyễn Văn Linh, còn bài báo có đầu đề *Những việc cần làm ngay*, ký tên N.V.L.



Chuyên mục “Những việc cần làm ngay” trên báo Nhân Dân (Ảnh chụp báo)

Từ ngày 25/5/1987 đến 28/9/1990 có 27 bài báo với nhan đề *Những việc cần làm ngay*, đề cập chủ yếu đến việc chống tiêu cực, phê phán việc ngăn sông cấm chợ, những bất hợp lý trong sản xuất phân phối và lưu thông, nhắc đến đời sống hàng nghìn giáo viên quá chật vật... Loạt bài viết tạo ra một luồng sinh khí mới trong xã hội: công khai, dám

nói thẳng, nói thật trong những năm đầu đổi mới. Sau này, khi được hỏi về bút danh N.V.L, vị Tổng bí thư giải thích đó là "nói và làm", nhưng cũng không ít người dịch ra là "nhảy vào lửa".

"Có đồng chí khuyên tôi nên thôi vì “có bao nhiêu việc cần làm, sao cứ phải hăng hái chống tiêu cực như vậy?” nhưng tôi vẫn cương quyết. Cần đưa các nhân tố mới lên, lấn dần tiêu cực, nhưng đồng thời vẫn phải quyết liệt chống tiêu cực thì nhân tố mới mới có đất sống, giống như ta nhổ cỏ dại, diệt sâu rầy thì lúa mới mọc lên được”. (Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh - báo Nhân Dân ngày 10/7/1987).



Báo Nhân Dân số ra ngày 10/7/1987. (Ảnh chụp báo)

Khi hỏi về bút danh N.V.L, đồng chí Nguyễn Văn Linh giải thích đó là "Nói và làm". Đúng như đồng chí đã từng giải thích: Thực chất của đổi mới tư duy và phong cách là nói phải đi đôi với làm, lý luận phải gắn liền với thực tế. Thực sự với nhiều người, đó là điều vô cùng quý giá từ người lãnh đạo cao nhất của Đảng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: Người cách mạng “đã nói thì phải làm”, “đã hứa với dân thì phải làm”, “học phải đi đôi với hành”, phải biết “gắn lý luận với thực tế”. Thấm nhuần tư tưởng đó của Người, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh hiện thực nó trong thực tế cuộc sống.



Chuyên mục “Những việc cần làm ngay” trên báo Tuổi trẻ. (Ảnh chụp báo)

Đảm nhiệm cương vị Tổng Bí thư vào thời điểm bước ngoặt của đất nước, khởi đầu thời kỳ đổi mới, khi tuổi đã ngoài 70, đồng chí Nguyễn Văn Linh để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử đất nước - một nhà lãnh đạo sáng suốt, khách quan và đổi mới - tác giả của 27 bài báo “*Những việc cần làm ngay*” gây chấn động dư luận. Và với mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân thời kỳ ấy, việc biết được những bài báo mang đầy sức chiến đấu và tư tưởng tiến bộ với bút danh N.V.L là của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thì họ càng ủng hộ, tin tưởng vào Đảng, vào Nghị quyết Đại hội VI - Đại hội đánh dấu chính thức cho tiến trình đổi mới toàn diện đất nước.

Là người khởi xướng công cuộc đổi mới ở Việt Nam, là người trần trở và đưa “*Những việc cần làm ngay*” trở thành phong trào lan rộng trong cả nước với bầu không khí công khai, cởi mở, dân chủ, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội và nhận được sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã từng bước cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khó khăn, góp phần quan trọng đưa Việt Nam từ chỗ có 7 triệu người thiếu ăn trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới. Tầm vóc và vị thế của Việt Nam từng bước được khẳng định và nâng cao trên trường thế giới. Có thể nói, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đạt được kết quả như ngày nay có công lao rất lớn của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Nguồn: <https://baotanglichsu.vn/>

NGUYỄN HỮU THỌ - CON NGƯỜI CỦA TÌNH ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ (Bí danh Ba Nghĩa), sinh ngày 10-7-1910 trong một gia đình công chức tại Long Phú, tổng Long Hưng Hạ, phủ Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn cũ, nay thuộc huyện Bến Lức, tỉnh Long An.



Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ (áo trắng, giữa) (Ảnh: daidoanket.vn)

Tiêu biểu cho sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân

Năm 1921, mới 11 tuổi, Nguyễn Hữu Thọ sang du học tại trường Trung học Mignet, miền tây nam nước Pháp. Với thành tích học tập rất xuất sắc, năm 1928, Nguyễn Hữu Thọ được Trường đại học Luật khoa và Văn khoa Ai-xen - Prô-von-xơ nhận vào học tại khoa Luật của trường và tốt nghiệp cử nhân loại xuất sắc tháng 9-1932.

Năm 1933, Nguyễn Hữu Thọ trở về nước, làm việc tại văn phòng của một luật sư người Pháp. Sau 5 năm tập sự, năm 1939 Nguyễn Hữu Thọ đỗ kỳ sát hạch của Luật sư Đoàn và trở thành luật sư, mở văn phòng luật tại Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ rồi Sài Gòn - Chợ Lớn, tiếng tăm của vị luật sư trẻ tài năng, luôn bên vực lẽ phải đã lan ra khắp Nam Kỳ lục tỉnh. Năm 1941-1945, Nguyễn Hữu Thọ tham gia hoạt động yêu nước của Tổ chức Thanh niên Tiền phong, dưới danh nghĩa của tổ chức Hướng đạo sinh. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bùng nổ, ông là một trong các trí thức ủng hộ chính quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 16-10-1949, Nguyễn Hữu Thọ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động trong phong trào trí thức và bị Pháp bắt vào tháng 6-1950, bị giam ở Lai Châu và Sơn Tây tháng 11-1952. Sau khi được trả tự do, ông tham gia phong trào đấu tranh hợp pháp, đòi hòa bình ở Sài Gòn - Chợ Lớn; là Phó Chủ tịch Phong trào bảo vệ hòa

bình. Năm 1954, đồng chí Nguyễn Hữu Thọ bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt và giam tại Phú Yên. Khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam thành lập ngày 20-12-1960, đồng chí đang bị quản thúc tại Phú Yên. Sau cuộc giải thoát thành công vào cuối tháng 11-1961, đồng chí về đến bắc Tây Ninh. Tháng 2-1962 Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam lần thứ nhất được tổ chức, đồng chí được bầu làm Chủ tịch.

Tháng 3-1964, Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam lần thứ hai đã bầu đồng chí làm Chủ tịch Ủy ban T.U Mặt trận. Đến tháng 6-1969, đồng chí được cử làm Chủ tịch Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam.

Sau khi thống nhất đất nước, đồng chí Nguyễn Hữu Thọ được nhân dân bầu làm đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII và được Quốc hội tín nhiệm bầu làm Phó Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam (tháng 6-1976), Quyền Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam (tháng 4-1980), Chủ tịch Quốc hội và Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước CHXHCN Việt Nam (tháng 7-1981). Tại Đại hội thống nhất các tổ chức Mặt trận (hợp từ ngày 31-1 đến 4-2-1977), đồng chí được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban T.U MTTQ Việt Nam. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tháng 11-1988, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban T.U MTTQ Việt Nam. Tháng 8-1994, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV MTTQ Việt Nam đã suy tôn đồng chí làm Chủ tịch danh dự của MTTQ Việt Nam.

Ngay từ những năm tháng đầu tiên tham gia cách mạng, đồng chí Nguyễn Hữu Thọ là hiện thân tiêu biểu cho sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân. Tên tuổi đồng chí gắn liền với giới trí thức, sinh viên, học sinh Nam Bộ, với những cuộc vận động lạc quyền cứu đói giúp đồng bào, là biểu tượng cho tình tương thân, tương ái. Lịch sử sẽ còn mãi ghi nhớ Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Trưởng Đoàn đại biểu trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn gửi Tuyên ngôn hòa bình cho Cao ủy Pháp E.Bôlae năm 1947. Tên tuổi và hình ảnh của đồng chí tượng trưng cho khối đoàn kết giới trí thức yêu nước, gương cao ngạo cờ hòa bình, đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Tên tuổi của đồng chí gắn liền với hoạt động của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Khi cả nước thống nhất bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh vừa thuận lợi, vừa khó khăn, những cống hiến của đồng chí Nguyễn Hữu Thọ đối với công tác xây dựng, củng cố MTTQ Việt Nam rất to lớn.

Trước tiên là việc tổ chức Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (diễn ra từ ngày 31-1 đến 4-2-1977, tại thành phố Hồ Chí Minh), với sự tham gia của tổ chức Mặt

trận trên cả hai miền nam - bắc: MTTQ Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam.

Là một trong những người chủ trì Đại hội, đồng chí Nguyễn Hữu Thọ kêu gọi các giới trí thức, tôn giáo, đồng bào các dân tộc bày tỏ ý chí kiên định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vững bước tiến vào tương lai. Sau năm ngày làm việc khẩn trương, ngày 4-2-1977, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam đã đi đến thống nhất các tổ chức mặt trận toàn quốc được hợp thành một mặt trận chung và lấy tên là MTTQ. Tuy không giữ cương vị lãnh đạo cao nhất của MTTQ nhưng đồng chí Nguyễn Hữu Thọ vẫn được đề nghị tham gia trong Ủy ban T.Ư Mặt trận và ông đã dành nhiều thời gian để tham gia công tác Mặt trận.

Hội tụ tinh thần dân tộc, lòng yêu nước

Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ luôn dành thời gian đi thăm hỏi đồng nghiệp, bạn bè trong giới trí thức cũ. Nhiều trí thức chế độ cũ, qua tiếp xúc với đồng chí Nguyễn Hữu Thọ, đã giải tỏa được mặc cảm, được khơi dậy tinh thần dân tộc và lòng yêu nước; thấy rõ trách nhiệm với đất nước, với dân tộc, tin tưởng vào chế độ mới. Những hoạt động này của đồng chí có tác dụng rất lớn trong việc củng cố, tăng cường khối đoàn kết dân tộc và xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Sau Đại hội MTTQ Việt Nam lần thứ II, chương trình hành động, đề ra những biện pháp công tác mới để thúc đẩy công tác Mặt trận được ban hành, nhưng mức độ chuyển biến vẫn còn chưa đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng và vai trò của Mặt trận. Để chuẩn bị cho Đại hội MTTQ Việt Nam lần thứ III - Đại hội đổi mới tổ chức và công tác Mặt trận, nhiều đợt sinh hoạt chính trị trong các tổ chức thành viên, các cấp Mặt trận được tổ chức, nhiều vấn đề quan trọng về tổ chức, hoạt động và công tác Mặt trận đã được các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Ủy ban T.Ư MTTQ Việt Nam bàn thảo. Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ trực tiếp tham dự và chỉ đạo những hội nghị quan trọng bàn về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam trong thời kỳ mới. Quán triệt những quan điểm Đại hội VI của Đảng, Đại hội III MTTQ Việt Nam xác định, MTTQ không chỉ đơn thuần là tổ chức quần chúng, mà là một thành viên quan trọng của hệ thống chính trị của Nhà nước Việt Nam. Tại Đại hội này, đồng chí được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban T.Ư MTTQ Việt Nam (khóa III).

Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ cho rằng, Mặt trận phải trở thành nơi tập trung trí tuệ, sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, là trung tâm đoàn kết của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước, không phân chia thành phần giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng; không phân biệt người sống ở trong nước hay đang sống ở nước ngoài. Là Chủ tịch MTTQ Việt Nam, đồng chí luôn quan tâm tới cơ quan ngôn luận của Mặt trận. Cũng chính vì lẽ đó nên báo Đại Đoàn kết được yêu cầu phải nâng cao chất lượng, thật sự trở thành phương tiện hiệu

quả, thiết thực, thể hiện tiếng nói của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, ngang tầm với nhiệm vụ chính trị.

Tại Đại hội IV MTTQ, đồng chí được bầu làm Chủ tịch danh dự của MTTQ Việt Nam.

Khi nói về công lao, cống hiến của đồng chí Nguyễn Hữu Thọ với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng chí Lê Quang Đạo, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban T.Ư MTTQ Việt Nam khóa IV khẳng định: "Phải thừa nhận rằng MTTQ Việt Nam từ sau Đại hội lần thứ III có bước tiến mới, đã xác lập được rõ hơn vị thế của mình trong hệ thống chính trị và đã đem lại nhiều kinh nghiệm mới cho công tác Mặt trận". "Luật sư đã nêu một tấm gương sáng bất diệt của một nhà trí thức Việt Nam yêu nước, một nhà lãnh đạo Mặt trận tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc".

Phẩm chất, đạo đức, tài năng của đồng chí Nguyễn Hữu Thọ tạo nên ở ông một nhân cách cao đẹp, đáng kính. Nguyễn Hữu Thọ là con người tiêu biểu cho phẩm chất đạo đức sống có tình, có nghĩa của dân tộc. Cũng như mọi người dân Việt Nam trong thời đại ngày nay, đồng chí Nguyễn Hữu Thọ không bao giờ quên công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân tộc, xác định con đường cứu nước đúng đắn, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Lòng kính yêu, biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy niềm tin, giúp ông vượt qua những ngày gian khổ trong tù đầy, cống hiến cả cuộc đời mình cho cách mạng, cho dân tộc.

Tiếp thu truyền thống đoàn kết của dân tộc, được Đảng giáo dục và được tôi luyện trong phong trào đấu tranh của nhân dân, đồng chí Nguyễn Hữu Thọ đã phấn đấu hết mình để xây dựng tinh thần đoàn kết dân tộc. Đồng chí không chỉ góp phần to lớn vào thắng lợi của đất nước, mà còn trực tiếp chỉ đạo thực hiện chiến lược đoàn kết, dân tộc và quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nguồn: <https://baotanglichsu.vn>

TRẦN XUÂN SOẠN - VỊ TƯỚNG NHÀ NGUYỄN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Trần Xuân Soạn, là tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Ông là người làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa.

Trần Xuân Soạn xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo. Đến tuổi trưởng thành do có sức khỏe, nhanh nhẹn và ưa võ nghệ, ông đi tòng quân thay cho con một nhà phú hào trong làng để lấy tiền giúp đỡ gia đình. Trong quân ngũ, vì có sức khỏe và mưu trí dũng cảm, ông đã lập được nhiều chiến công xuất sắc nên được thăng chức và được tin dùng, rồi được điều động vào làm Vệ úy chỉ huy quân ở kinh thành Huế. Năm Quý Mùi (1883), do có công lao và làm việc mẫn cán, Trần Xuân Soạn được triều đình thăng chức làm Chương vệ Đề đốc kinh thành.

Khi đó trong triều đình có hai phái chủ hòa và chủ chiến, quan điểm không thống nhất. Tôn Thất Thuyết đại diện cho phái chủ chiến đã lập ra Phấn nghĩa quân, giao cho những người thân thuộc tin cậy tham dự vào việc huấn luyện những thân hào sĩ dân có tinh thần chiến đấu chống Pháp để tuyển dụng vào lính, chia thành các vệ đội cho luyện tập cẩn thận để khi cần thì dùng đến. Tôn Thất Thuyết đã tin tưởng giao cho Trần Xuân Soạn chỉ huy đội quân này.

Đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết chia đội quân Phấn nghĩa làm hai đạo: Một đạo sai em là Tôn Thất Lệ cai quản, nửa đêm sang dò sông Hương hợp cùng với quân đánh úp tòa sứ của Pháp; còn một đạo do Tôn Thất Thuyết cùng Phấn nghĩa Chương vệ Trần Xuân Soạn đánh úp trấn Bình Đài (thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế). Trận chiến đã diễn ra vô cùng quyết liệt, vào khoảng canh tư (ngày 23) quân ta bắt đầu tấn công trấn Bình Đài, tiếng súng vang động. Quân Pháp đóng chặt cửa, lên nắp đọt sáng. Tới lúc sáng rõ, quân Pháp tập trung lực lượng và hỏa lực chống trả. Chúng dùng pháo lớn bắn liên mấy giờ, quân Phấn nghĩa bị thương và chết khá nhiều, các cung điện nhà cửa trong Hoàng thành và cung thành nhiều nơi bị đạn pháo của địch. Hai đạo quân ở trong và ngoài cửa ta bị tan vỡ cả, trong thành rối loạn, Tôn Thất Thuyết kèm xa giá (vua và hoàng cung) ra ngoài Bắc. Cùng theo xa giá có Thự Hiệp biện Đại học sĩ Phạm Thận Duật, Thự Tham tri Trương Văn Đức và Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Lệ...

Vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương kêu gọi sĩ phu và nhân dân trong cả nước đứng lên đánh Pháp. Trong khi đó tại kinh thành Huế, thực dân Pháp ép triều thần lập vua Đồng Khánh lên ngôi và hạ lệnh cho triệu các ông Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn đưa Hàm Nghi trở về. Khi các ông không chịu đưa xe vua Hàm Nghi trở về, triều đình Huế đã ra lệnh đày Tôn Thất Đính (là cha Tôn Thất Thuyết, đã 70 tuổi) ra đảo Côn Lôn, tịch thu gia sản của Hồ Văn Hiến và Trần Xuân Soạn. Treo giải thưởng cho ai bắt sống được Tôn Thất Thuyết sẽ thưởng 1000 lạng bạc, chém được Tôn Thất Thuyết sẽ thưởng 800 lạng; bắt sống được Trần Xuân Soạn thưởng 600 lạng bạc, chém được thì thưởng 300

lạng bạc. Qua đó có thể thấy vai trò của Trần Xuân Soạn trong phái chủ chiến và phong trào Cần Vương rất lớn.

Sau khi kinh thành thất thủ, từ sơn phòng Quảng Trị, Trần Xuân Soạn cùng Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra sơn phòng Hà Tĩnh. Trần Xuân Soạn trở về Thanh Hóa để chỉ đạo phong trào Cần Vương chống Pháp. Ông đã cùng với các sĩ phu yêu nước trong tỉnh chủ trương xây dựng cứ điểm Ba Đình ở Nga Sơn để trấn giữ cửa ngõ miền Trung. Sau đó, ông được phân công trực tiếp chỉ huy cánh quân ở Quảng Hóa (nay là Vĩnh Lộc) để hỗ trợ mặt ngoài cho căn cứ Ba Đình và Mã Cao, và giữ mối liên hệ giữa Ba Đình và Mã Cao.



Lược đồ vị trí Ba Đình - Mã Cao.

Cuối năm 1886, Ba Đình và Mã Cao nối nhau thất thủ, Trần Xuân Soạn cùng Hà Văn Mao rút quân lên Điền Lư, huyện Bá Thước dự định dựa vào núi rừng hiểm trở để xây dựng lại phong trào.

Đến khi tình thế bất lợi, quân giặc tăng cường đàn áp phong trào Cần Vương, Trần Xuân Soạn đã sang Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc) gặp Tôn Thất Thuyết để bàn chuyện xin viện trợ và tổ chức lại lực lượng. Việc không kết quả, bản thân ông cũng bị mắc kẹt không về nước tiếp tục chỉ đạo và tham gia chống Pháp được, ông đành sống lưu vong bên cạnh Tôn Thất Thuyết.

Ngày 17-12-1923, Trần Xuân Soạn mất tại Long Châu, Trung Quốc, thọ 74 tuổi.

Gia đình Trần Xuân Soạn là một gia đình yêu nước bất khuất. Quân Pháp đã từng cho đào lấy hài cốt thân phụ ông xếp giữa đường rồi dùng củi thiêu hủy, cốt để lung lạc tinh

thần và đề chiêu dụ ông. Nhưng ông vẫn không chịu khuất phục. Em trai ông là Trần Xuân Huân cũng tham gia kháng chiến và hy sinh, người con trai thứ hai của ông là Trần Xuân Kháng cũng tham gia tích cực phong trào chống Pháp, rồi bị địch bắt giam, quản thúc. Có thể nói, Trần Xuân Soạn và cả gia đình đã một lòng hy sinh vì nghĩa lớn chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc.

Nguồn: <https://baotanglichsu.vn>

KIẾN TRÚC SƯ HUỲNH TẤN PHÁT - MỘT TRÍ THỨC TÀI NĂNG, MỘT NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN TRUNG, MỘT NGỌN CỜ TIÊU BIỂU CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát - một trí thức tài năng, một người cộng sản kiên trung, một ngọn cờ tiêu biểu của khối đại đoàn kết dân tộc. Sẵn sàng từ bỏ danh vọng và cuộc sống giàu sang, đồng chí đã dấn thân vào con đường cách mạng đầy hy sinh, gian khổ, đã cống hiến trọn đời mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.



Ông Huỳnh Tấn Phát thăm Phá Tam Giang sau một trận bão lụt. (Ảnh tư liệu do gia đình cung cấp)

DẤN THÂN VÀO CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

Huỳnh Tấn Phát sinh ra trong một gia đình địa chủ bị phá sản tại ấp Tân Hưng, xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Năm 1933, Huỳnh Tấn Phát thi đậu vào khoa Kiến trúc Khoa 8 Trường Cao đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, với học bổng toàn phần. Ở đây, Huỳnh Tấn Phát tham gia hoạt động sôi nổi trong phong trào sinh viên và Hội Ái hữu sinh viên. Anh viết những bài báo ủng hộ phong trào đấu tranh yêu nước in trên các báo “Tranh đấu” ở Nam Kỳ và “Lao động” ở Bắc Kỳ; tham gia phong trào Đông Dương Đại hội; cùng với Đào Duy Kỳ tập hợp đoàn đấu tranh của học sinh, sinh viên gặp Godard (đại diện Chính phủ Bình dân Pháp sang Đông Dương) trình “tập thư thỉnh nguyện” theo chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương...

Sau khi tốt nghiệp thủ khoa khoa kiến trúc Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, Huỳnh Tấn Phát trở về Sài Gòn và là kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên mở văn phòng kiến trúc tư tại Sài Gòn. Năm 1941, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đoạt giải nhất cuộc thi thiết

kế khu trung tâm hội chợ triển lãm Đông Dương, dự kiến xây dựng ở vườn Ông Thượng (nay là công viên Tao Đàn) Sài Gòn, do Toàn quyền Pháp Decoux tổ chức. Có địa vị, tiền tài, danh tiếng, nhưng ở Huỳnh Tấn Phát vẫn luôn trăn trở, nung nấu về con đường cứu dân, cứu nước. Cuối năm 1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tuy thất bại, nhưng đã thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh của nhiều thanh niên trí thức, trong đó có Huỳnh Tấn Phát. Tháng 9/1941, anh đã dùng số tiền chắt góp được trong những năm tháng đầu làm nghề kiến trúc sư mua lại “manchette”, tờ báo công khai “Thanh niên” để ra báo hằng tuần, với tôn chỉ, mục đích tập hợp lực lượng thanh niên, khơi dậy lòng yêu nước ở họ. Sau khi tờ Thanh niên giải thể, Huỳnh Tấn Phát tích cực tham gia phong trào Truyền bá Quốc ngữ với tư cách là Trưởng ban cổ động và là một trong những diễn giả chính của phong trào. Giữa năm 1945, anh là một trong nòng cốt của Thanh niên Tiền Phong, tham gia phong trào Cứu đói miền Bắc.



Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát (1913 - 1989). (Ảnh tư liệu)

Ngay từ thời kỳ đầu tham gia phong trào, Huỳnh Tấn Phát đã gắn bó và hoạt động tích cực trong phong trào vận động các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh yêu nước. Những hoạt động sôi nổi của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đã gây được sự chú ý của Xứ ủy Nam Kỳ. Được sự giúp đỡ của Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ Trần Văn Giàu, Huỳnh Tấn Phát đã tích cực tham gia các cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Anh đã dùng văn phòng kiến trúc sư của mình nhà số 68, đường Mayer làm nơi tổ chức lớp huấn luyện bí mật đầu tiên về chủ nghĩa Mác-Lênin cho một số thanh niên trí thức Sài Gòn và tham gia lớp học đầu tiên ở đây. Từ lớp huấn luyện rất cơ bản này, Xứ ủy đã đào tạo kịp thời

một đội ngũ cán bộ nòng cốt của phong trào, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

Ngày 5/3/1945, Huỳnh Tấn Phát được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Xác định dứt khoát đi theo con đường của Đảng, đồng chí đã quyết định đóng cửa văn phòng kiến trúc sư để chuyên tâm vào hoạt động cách mạng.

Sau khi vào Đảng, Huỳnh Tấn Phát được Xứ uỷ Nam Kỳ giao nhiệm vụ làm Bí thư Tân Dân chủ Đảng và là cốt cán trong công tác tuyên truyền, huấn luyện thanh niên trí thức, công nhân, học sinh. Trải qua các hoạt động vận động quần chúng thời kỳ này, đồng chí càng thấu hiểu sâu sắc hơn về sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc, nhất khi đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với tấm lòng yêu nước sâu sắc, khả năng diễn thuyết và hoạt động tích cực của mình, đồng chí trở thành nhà trí thức có uy tín lớn đối với đồng bào các giới ở Sài Gòn. Lực lượng “Thanh niên tiên phong” do đồng chí tham gia lãnh đạo đã đóng vai trò xung kích quan trọng trong khởi nghĩa giành chính quyền tại Sài Gòn và Nam Bộ, ngày 25/8/1945.

THAM GIA LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở NAM BỘ

Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí phụ trách Phòng thông tin báo chí. Ngày 23/9/1945, khi quân đội Pháp trở lại xâm chiếm Sài Gòn, đồng chí bị bắt. Nhưng nhờ là một kiến trúc sư tên tuổi nên địch trả tự do cho Huỳnh Tấn Phát sau ba ngày giam cầm ở bót Catinat.

Để cổ vũ và động viên quần chúng nhân dân, Huỳnh Tấn Phát thành lập Ban Tuyên truyền xung phong, tổ chức in cờ đỏ sao vàng, truyền đơn đòi thi hành Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946. Ban Tuyên truyền xung phong xuất bản tờ báo Độc Lập (sau đổi tên thành báo Tiến Lên), đòi tự do dân chủ, đòi thả tù chính trị, giác ngộ quần chúng nhân dân, trí thức ủng hộ cuộc đấu tranh của dân tộc. Có uy tín cao trong giới trí thức, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đã trực tiếp vận động nhiều trí thức rời cuộc sống thành phố vào vùng tự do trực tiếp tham gia kháng chiến: như bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, Đô trưởng Sài Gòn Phan Văn Chương...

Đầu năm 1946, Huỳnh Tấn Phát bị địch bắt tại nhà in bí mật số 160, đường Lagrandière (nay là Lý Tự Trọng) và bị kết án 2 năm tù. Trong tù, Huỳnh Tấn Phát được bầu làm Trưởng Ban đại diện “Liên đoàn tù nhân chính trị Khám Lớn Sài Gòn” – 69 Lagrandière, tham gia lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc, biến Khám Lớn Sài Gòn thành trường học văn hóa, chính trị, quân sự, đào tạo một đội ngũ cán bộ cách mạng cốt cán cũng như đã cảm hóa được nhiều quần chúng tin theo cách mạng.

Tháng 11/1947, sau khi được trả tự do, đồng chí vẫn kiên trì bám trụ tại Sài Gòn, được phân công phụ trách công tác trí vận và báo chí ở Thành phố. Đầu năm 1949, đồng chí ra khu giải phóng, được cử làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ kiêm Giám đốc sở Thông tin Nam Bộ, Bí thư đảng đoàn Đảng Dân chủ Việt Nam, phụ trách công tác trí vận, làm cố vấn cho tổ chức học sinh Sài Gòn và lãnh đạo đấu tranh trên báo chí công khai hàng ngày ở nội thành. Tháng 8/1950, Xứ ủy Nam Bộ thành lập Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Huỳnh Tấn Phát được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ Đặc khu, được cử làm trưởng Ban Tuyên huấn Đặc khu, trực tiếp phụ trách Đài Phát thanh Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn Tự do. Bằng uy tín của mình, Huỳnh Tấn Phát đã quy tụ nhiều cây bút nổi tiếng trước năm 1945 và phong trào Báo chí Thống nhất cũng tập hợp về góp sức xây dựng đài. Đài phát thanh trở thành ngọn cờ hiệu triệu nhân dân ủng hộ cách mạng, đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược.

Có thể nói, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Huỳnh Tấn Phát đã gắn bó với thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vận động, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp trí thức tham gia Mặt trận Liên Việt gây dựng các phong trào đấu tranh chính trị trong nội thành như “đòi hòa bình”, “đòi đế quốc Pháp phải công nhận quyền độc lập của Việt Nam”... Các phong trào có đóng góp quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến, với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ.

NHÀ LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG DÂN MIỀN NAM VIỆT NAM

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, mặc dù đã bị địch “nhấn mắt”, nhưng Huỳnh Tấn Phát vẫn tình nguyện ở lại miền Nam và nhận nhiệm vụ ở lại nội thành Sài Gòn hoạt động cách mạng. Để tạo thế công khai hợp pháp, đồng chí làm việc tại văn phòng kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiệu. Cuối năm 1956, đồng chí được bổ sung vào Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách Ban Trí vận và chính quyền vận. Phụ trách trí vận, đồng chí không chỉ làm việc trực tiếp với Ban Trí vận Thành ủy mà còn chỉ đạo Ban cán sự của Thành ủy Đảng Dân chủ sáng tạo nhiều hình thức phong phú, đi vào giới trí thức và tư sản, đồng thời khôn khéo giữ quan hệ với số trí thức đặc biệt, trong đó có cả công chức cao cấp trong chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Vì vậy, mặc dù chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Huỳnh Tấn Phát, mạng lưới cơ sở trong giới trí thức và công nhân chính quyền Sài Gòn tiếp tục được mở rộng, củng cố, trở thành nòng cốt trong phong trào đấu tranh của nhân dân Thành phố đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ, hòa bình, thống nhất đất nước những năm 1954-1959.

Những năm 1959 - 1960, theo yêu cầu của tổ chức, Huỳnh Tấn Phát ra hoạt động ở vùng Tam giác sắt (Củ Chi - Trảng Bàng - Bến Cát, địa bàn đứng chân của Khu ủy miền Đông, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, cơ quan tiền phương của Miền). Cuối năm 1959, khi Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định hợp nhất thành Khu ủy Khu Sài Gòn - Gia Định, Huỳnh Tấn Phát được cử làm Khu ủy viên chính thức Khu ủy Sài Gòn - Gia

Định, phụ trách công tác trí vận. Từ khu tam giác sắt, đồng chí duy trì sự chỉ đạo phong trào trí thức, học sinh, sinh viên thành phố, tổ chức các lớp bồi dưỡng chính trị đào tạo cán bộ cốt cán cho phong trào. Thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ về việc thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng chí đã tổ chức vận động các nhân sỹ trí thức có uy tín bí mật ra vùng giải phóng tham gia Mặt trận. Sau một thời gian chuẩn bị tích cực, ngày 20/12/1960, tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành thuộc vùng giải phóng Tây Ninh, đại biểu các dân tộc, tôn giáo, các đảng phái yêu nước và các tầng lớp nhân dân đã tổ chức Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam và tuyên bố thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, cử ra Ủy ban Trung ương lâm thời, trong đó có Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát. Hội nghị thông qua và công bố Chương trình 10 điểm, hiệu triệu nhân dân miền Nam đứng lên chống Mỹ và tay sai, đấu tranh cho một miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ hoà bình, trung lập tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Từ ngày 16/2 đến ngày 3/3/1962, Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ nhất đã bầu chính thức Ủy ban Trung ương, trong đó có nhiều nhân sỹ, trí thức nổi tiếng. Tổng Thư ký Đảng Dân chủ miền Nam Việt Nam Huỳnh Tấn Phát được bầu vào Đoàn Chủ tịch, giữ trọng trách Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương, Tổng thư ký trong Ban Thư ký của Ủy ban Trung ương, đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng, kiêm Trưởng Ban Trí vận Mặt trận của khu Sài Gòn - Gia Định.

Đảm nhiệm trọng trách lớn hơn, đồng chí Huỳnh Tấn Phát tiếp tục mở rộng hoạt động, thành lập Ban cán sự Trí vận nội thành, hình thành tổ chức chiến đấu của lực lượng Trí vận mặt trận đô thành Sài Gòn, mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ, trụ vững giữa mạng lưới công an, mật thám dày đặc của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Hoạt động của Ban Trí vận có ảnh hưởng sâu rộng đến sự hình thành các phong trào nhân sỹ, trí thức Sài Gòn - Gia Định, các phong trào trong giáo giới nội đô và sự hình thành lực lượng thứ ba, nhất là tổ chức Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam do luật sư Trịnh Đình Thảo làm Chủ tịch năm 1968. Uy tín của những trí thức trong liên minh này đã giúp Mặt trận gây ảnh hưởng đến các tổ chức của “lực lượng thứ ba” như: Phong trào dân tộc tự quyết do Luật sư Nguyễn Long làm chủ tịch; Phong trào bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ do bà Ngô Bá Thành đứng đầu; Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc của Giáo sư Lê Văn Giáp; Ủy ban vận động đòi cải thiện chế độ lao tù gồm nhiều nhân sỹ, trí thức, linh mục, như Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan; Lực lượng hòa giải dân tộc; Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Pari của Luật sư Trần Ngọc Liễng.

Thông qua các phong trào đấu tranh ở nội đô, đã vạch rõ tính phi pháp của chế độ Việt Nam Cộng hòa và tính phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Qua đó, củng cố vững chắc hơn khối đại đoàn kết dân tộc xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam mà Huỳnh Tấn Phát là một trong những thành viên chủ chốt.

Bên cạnh đó, với tài năng và uy tín của mình, đồng chí có những đóng góp tích cực, nâng cao uy tín, vị thế của Mặt trận trên trường quốc tế. Trong những dịp đi các nước, đồng chí cùng các thành viên của Mặt trận tố cáo tội ác đế quốc Mỹ, khẳng định tính chính nghĩa cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, kêu gọi nhân dân tiến bộ và các nước đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Với đường lối ngoại giao hoà bình trung lập, chỉ trong thời gian ngắn, Mặt trận đã có đại diện trong Ban Chấp hành của 11 tổ chức quốc tế, có quan hệ ngoại giao với 18 nước trên thế giới, có 26 tổ chức quốc tế, các chính đảng và tổ chức quần chúng ở nhiều nước công nhận. Phong trào ủng hộ Việt Nam chống Mỹ lên cao từ đầu năm 1965, đặc biệt là sau khi có Tuyên bố 5 điểm ngày 22/3/1965 của Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

Sau Tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước sang giai đoạn quyết định, đã đặt ra yêu cầu phải đoàn kết hơn nữa mọi lực lượng cho cuộc kháng chiến và cần có một Chính phủ đại diện hợp pháp cho quyền lợi của nhân dân miền Nam Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, từ ngày 6/6 đến ngày 8/6/1969, Đại hội Đại biểu quốc dân toàn miền Nam khai mạc trọng thể tại vùng Tà Nôt (Tây Ninh) đã quyết định thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và bầu đồng chí Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch Chính phủ. Đó là sự ghi nhận, tin tưởng, đánh giá cao của Đảng và các tầng lớp nhân dân miền Nam về tài năng, nhân cách, uy tín của đồng chí Huỳnh Tấn Phát.

Chính phủ cách mạng lâm thời thành lập là một thắng lợi to lớn trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống chính quyền cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Trong phiên họp đầu tiên, Chính phủ cách mạng lâm thời đã công bố Chương trình hành động 12 điểm nhằm động viên toàn quân, toàn dân miền Nam Việt Nam đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, hòa hợp dân tộc, bảo đảm quyền tự do dân chủ cho nhân dân. Trên cương vị người đứng đầu, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đã lãnh đạo Chính phủ hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ của một chính quyền nhà nước hợp pháp của nhân dân miền Nam, góp phần tăng đáng kể uy tín quốc tế của Chính phủ; vận động và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với Chính phủ lâm thời. Trong tháng 6-1969, 23 nước đã công nhận Chính phủ cách mạng lâm thời, trong đó 21 nước kiến lập quan hệ ngoại giao.

Sự vững mạnh và uy tín ngoại giao của Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam với tư cách là một trong bốn bên đàm phán đã tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến quá trình đàm phán tại Pari. Tháng 1/1973, Mỹ phải ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Sau khi Hiệp định được ký kết, đồng chí Huỳnh Tấn Phát tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phối hợp với ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đấu tranh tại các diễn đàn đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định: thực hiện ngừng bắn, đòi Mỹ chấm dứt dính líu quân sự; trao trả hết nhân viên dân sự bị bắt và bị giam giữ, thực hiện tự do, dân chủ cho nhân dân miền Nam... Bên cạnh đó, Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát

đã thực hiện các chuyến thăm hữu nghị nhiều nước, thông báo tình hình Hội nghị Paris, ký kết với Chính phủ các nước nhiều hiệp định viện trợ không hoàn lại cho miền Nam. Đó là nguồn lực quan trọng để quân dân Việt Nam tiến hành chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, thống nhất đất nước.

NGƯỜI LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

Sau khi đất nước thống nhất, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát được Đảng và nhân dân giao nhiều trọng trách về mặt Nhà nước, đồng thời vẫn tin nhiệm giao cho đồng chí phụ trách công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Năm 1976, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc đã hợp nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện sứ mệnh đoàn kết toàn dân trong một Mặt trận thống nhất, tiến hành sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sau khi đất nước thống nhất, trong thực tế, chức năng của Mặt trận nhiều lúc, nhiều nơi đã thu hẹp, chỉ còn là động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trước thực trạng đó, sau Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc (02/1977), trên cương vị là Ủy viên Đoàn Chủ tịch, Huỳnh Tấn Phát có đóng góp quan trọng xây dựng Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 18/4/1983 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới”. Với việc chỉ ra ba chức năng cơ bản của Mặt trận là: Tuyên truyền, giáo dục, phối hợp thống nhất hành động và phản ánh nguyện vọng, ý kiến của nhân dân; đề ra sáu nhiệm vụ cụ thể để thực hiện ba chức năng đó; Chỉ thị 17 đã đánh dấu bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng ta về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bên cạnh đó, đồng chí góp nhiều kinh nghiệm chuẩn bị nội dung, nhân sự mở rộng thêm nhân sự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong nhiệm kỳ mới.

Tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II vào tháng 5/1983, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát được tin nhiệm bầu làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trên cương vị người đứng đầu, Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát có đóng góp quan trọng vào đổi mới hoạt động của Mặt trận, đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Đồng chí chỉ đạo các cấp Mặt trận triển khai Chỉ thị 17 của Ban Bí Thư, đồng thời trực tiếp đi khắp các tỉnh từ Nam chí Bắc giúp Ủy ban Mặt trận các cấp nhận định đúng hơn vai trò, vị trí, chức năng của Mặt trận, nhất là vai trò giám sát đối với chính quyền và đề ra những biện pháp củng cố tổ chức Mặt trận cơ sở. Đồng chí luôn nhắc nhở cán bộ mặt trận các cấp: Mặt trận không phải là tổ chức hiếu hỷ, đó là một tổ chức chính trị-xã hội, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng

Với sự nỗ lực của đồng chí và các thành viên Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, việc triển khai Chỉ thị 17 với phương châm “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất, vừa có tính chất liên hiệp rộng rãi, vừa có tính quần chúng sâu sắc. Mặt trận đại diện cho quyền làm chủ của Nhân dân lao động, là sợi dây nối liền các tầng lớp xã hội rộng rãi với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước”, đã tạo ra bước đột phá đổi mới hoạt động của Mặt trận các cấp, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên nhiều lĩnh vực.

Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát là điển hình của thế hệ “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu”, là một tấm gương cao đẹp về ý chí, nghị lực của một chiến sĩ cộng sản kiên cường; một nhà lãnh đạo tài năng, khiêm nhường, gần gũi với các tầng lớp nhân dân; người bạn lớn, nồng hậu của giới trí thức. Từ khi bắt đầu tham gia phong trào yêu nước cho đến khi làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cả cuộc đời cách mạng của đồng chí gắn liền với sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc và có những cống hiến to lớn trong sự nghiệp cao cả này. Đồng chí làm công tác Mặt trận bằng tài năng, nhân cách, thông qua những hành động cụ thể của mình tạo nên sức thuyết phục lớn lao với các giới, các tầng lớp trong xã hội. Huy chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết trao tặng cho đồng chí là sự tri ân đóng góp to lớn và ghi nhận, tôn vinh về tấm gương người cộng sản mẫu mực Huỳnh Tấn Phát./.

Nguồn: <https://baotanglichsu.vn>

MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ THẬP

Đồng chí Nguyễn Thị Thập - người phụ nữ kiên cường của mảnh đất thành đồng Tổ quốc, Người Mẹ Việt Nam Anh hùng đã cống hiến trọn vẹn cả đời mình vì sự nghiệp cách mạng.

Đồng chí Nguyễn Thị Thập (tên thật Là Nguyễn Thị Ngọc Tốt), sinh năm 1908 trong một gia đình nông dân nghèo ở xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tham gia cách mạng năm 1929 và đến năm 1931, đồng chí được vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó, thoát ly hoạt động phong trào, xây dựng cơ sở ở Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Sài Gòn.

Tháng 4/1935, đồng chí được bầu vào xứ uỷ Nam Kỳ. Tháng 5 năm ấy, đồng chí bị địch bắt kết án tù. Ngay sau khi hết hạn tù, đồng chí lại bí mật về quê, tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng. Tháng 12/1938, sau cuộc lãnh đạo nông dân biểu tình chống thuế ở xã Long Hưng, đồng chí Nguyễn Thị Thập lại bị bắt giam nhưng lần này đã được hàng nghìn đồng bào Long Hưng, Long Định kéo tới giải thoát.

Năm 1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, dù đã gần đến ngày sinh nở, đồng chí vẫn thất khấn nịt bụng, chỉ huy dân quân, đồng bào trương cờ, biểu ngữ, xông vào cướp đồn Tam Hiệp. Cuộc khởi nghĩa thất bại, chồng bà - một chiến sĩ cộng sản bị địch bắt giam ngoài Côn Đảo từ năm 1930, lại bị địch bắt và xử tử hình. Chồng mất, các con còn trứng nước (con trai đầu 11 tuổi, con gái thứ hai lên 2 tuổi và con trai út mới 8 ngày tuổi), đồng chí đành gửi các con lại nhờ người nuôi, tiếp tục cùng các đảng viên còn lại hoạt động bí mật, gây dựng lại cơ sở.

Năm 1954, sau bao năm xa cách, mẹ con đồng chí mới được đoàn tụ bên nhau. Thế nhưng, nỗi đau lại ập tới, tháng 5-1954, người con trai cả - một xã đội trưởng liên xã Long Hưng-Long Hòa đã anh dũng hy sinh trong một trận càn của giặc. Người con trai thứ hai được chọn sang học chuyên ngành điện ảnh ở CHDC Đức. Tốt nghiệp về nước được ít lâu, anh xin mẹ vào chiến đấu tại chiến trường Đông Nam Bộ và anh dũng ngã xuống trên quê hương giàu truyền thống cách mạng như người cha và anh trai mình.

Cả cuộc đời cống hiến cho cuộc đấu tranh cách mạng, hiến dâng cho Tổ quốc chồng và hai người con trai, song trong hồi ký “Qua những chặng đường”, đồng chí đã viết thật giản dị: “Trong chiến đấu một mất, một còn với kẻ thù tàn bạo và hung hãn nhất thế giới là đế quốc Mỹ, toàn dân ta không có gia đình nào không ít nhiều gánh chịu mất mát hy sinh, để giữ lấy sống còn, giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc. Gia đình tôi cũng trong hoàn cảnh ấy”.

Suốt 9 năm kháng chiến, đồng chí được Đảng chỉ định là Bí thư Đảng đoàn phụ nữ Nam Bộ, là Hội trưởng Phụ nữ Nam Bộ. Sau khi tập kết ra miền Bắc (1954), đồng chí được bầu là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam suốt những năm tháng kháng chiến chống Mỹ của dân tộc (1956-1974). Trên cương vị của mình, Chủ tịch Nguyễn Thị Thập luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng, đào tạo lực lượng cán bộ nữ, và đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có năng lực, kinh nghiệm để cho ra đời các phong trào lớn, trong đó nổi bật là “Ba đảm đang”. Phong trào “Ba đảm đang” do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động đã tập hợp được rộng khắp các tầng lớp phụ nữ từ thành thị đến nông thôn hăng hái tham gia, bảo đảm cho cuộc chiến đấu ở miền Nam “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Phong trào “Ba đảm đang” cùng với phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên đã xây dựng cơ sở vững chắc cho hậu phương lớn, dốc lực chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Đồng chí còn được Đảng và Nhà nước giao nhiều chức vụ quan trọng như: Bí thư Đảng đoàn phụ nữ kiêm Trưởng ban phụ vận Trung ương Đảng; Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng từ khóa II đến khóa IV, được bầu vào Quốc hội từ khóa I đến khóa VI, giữ chức vụ Phó chủ tịch Quốc hội từ khóa II đến khóa VI. Đồng chí Nguyễn Thị Thập - người phụ nữ kiên cường của mảnh đất thành đồng Tổ quốc - đã được tặng thưởng Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam - Huân chương Sao Vàng, và được phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước - Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, đồng chí lại bắt tay vào công việc tổng kết Lịch sử phong trào Phụ nữ Việt Nam trước khi được trở về miền Nam nghỉ hưu.

Gần 60 năm tham gia cách mạng, được Đảng và Nhà nước giao nhiều trọng trách, nhưng đồng chí luôn khắc phục và vượt mọi khó khăn, nguy hiểm, cả những bi kịch riêng tư để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Cuộc đời hoạt động và những đóng góp của đồng chí đã tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam nói riêng và của người phụ nữ Việt Nam nói chung. Sau khi đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho Tổ quốc, đồng chí mất ngày 19-3-1996 tại TP Hồ Chí Minh và được an táng tại Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Tiền Giang, cạnh mộ chồng./.

Nguồn: <https://www.phunu.hochiminhcity.gov.vn/>